TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08/7/2024 *"Về việc Ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Quang Năng

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng

Bà Trần Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2024/ TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 72/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm 1989; Nơi ĐKHKTT: K, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An; đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn L1; Sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Xóm G, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang lao động tại Đài Loan); đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn L1 kết hôn ngày 04/01/2015 (theo sổ đăng ký số 64/2015, quyển 01, ngày 04/01/2015), hôn nhân tự nguyện, có đăng ký

kết hôn tại UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sống hòa thuận, hạnh phúc tại xã Đ, huyện Đ, Hà Tĩnh, sau đó anh L1 đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh L1 quan tâm và liên lạc về với chị nhưng sau đó thì không còn quan tâm. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về lối sống, không quan tâm chăm lo và không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã ly thân được gần 9 năm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn L1

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Phan Văn L1 tại Đài Loan mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho bố mẹ đẻ anh là ông Phan Văn L2 và bà Phan Thị B tại xóm G, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh D qua mẹ anh.

Bị đơn anh Phan Văn L1 hiện đang làm việc tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành làm việc với mẹ anh là bà Phan Thị B, trú tại xóm G, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; gọi điện qua tài khoản mạng xã hội với anh L1 do gia đình cung cấp, nội dung thể hiện: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, năm 2018 anh đi lao động tại Đài Loan và phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đỉnh điểm từ năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn do ở xa nhau, thiếu thốn tình cảm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh đồng ý vì vợ chồng không có điều kiện hàn gắn tình cảm, đã hết duyên thì giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Anh hiện đang lao động tự do tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án. Anh không thể về Việt Nam giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh là bà Phan Thị B, trú tại xóm G, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, anh ủy quyền cho bà B nhận thay anh và giao lại cho anh.

Bà Phan Thị B đồng ý nhận ủy quyền của anh Phan Văn L1 về việc giao nhận các tài liệu chứng cứ và cam kết nhận trách nhiệm giao lại cho anh L1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về quan hệ vợ chồng: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn L1.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L (trú tại: K, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An) khởi kiện xin ly hôn anh Phan Văn L1 (Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Xóm G, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh), anh L1 đang sống và làm việc tại Đài Loan. Theo công văn số 7169/QLXNC- P3 ngày 10/4/2024 của Cục Q thì anh Phan Văn L1 đã xuất cảnh ngày 11/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy anh L1 thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Gia đình anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh L1 nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh L1. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh L1 yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh là bà Phan Thị B

nhận. Chị Nguyễn Thị L vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị L, anh L1 theo thủ tục chung.

Bà Phan Thị B đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết nhận trách nhiệm giao lại cho anh Phan Văn L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự, vợ chồng có mâu thuẫn do ở xa nhau, thiếu thốn tình cảm không tin tưởng nhau và không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ khi anh L1 đi lao động tại Đài Loan đến nay, hai bên xác định tình cảm không còn, chị L xin ly hôn, anh L1 đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh L1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, hai bên có yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn L1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn L1 không có con chung, miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn L1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000839 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh HÀ Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường N,
Thị xã C, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng